TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 8 – CẦN THƠ**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 89/2026/DS-ST
Ngày: 23-4-2026
V/v chấp hợp đồng mua bán tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 8 – CẦN THƠ

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- ***Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:*** Ông Dương Chiêu Hùng.
- ***Các Hội thẩm nhân dân:*** Ông Huỳnh Văn Hiệp
Bà Nguyễn Hồng Phượng
- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà Nguyễn Hồng Nhi - Thư ký viên Tòa án nhân dân khu vực 8 – Cần Thơ.

Ngày 23 tháng 4 năm 2026 tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 8 – Cần Thơ xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 71/2026/TLST-DS, ngày 27 tháng 01 năm 2026 về *"Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 272/2026/QĐXXST-DS ngày 06 tháng 4 năm 2026 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Bà **Ong Thị L**, sinh năm 1960. Địa chỉ: Khu V, phường K, thành phố Cần Thơ; (có mặt)

- *Bị đơn*: Ông **Lê Văn H**, sinh năm 1960; (có mặt)
Bà **Nguyễn Thị D**, sinh năm 1957 (có đơn xin vắng mặt)
Cùng địa chỉ: ấp H, xã V, thành phố Cần Thơ;

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 31/12/2025 cũng như quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn bà Ong Thị L trình bày: Vào khoảng năm 2015 - 2021 bà L có bán thức ăn tôm sú cho vợ chồng ông Lê Văn H và bà Nguyễn Thị D. Việc mua bán không lập thành hợp đồng, đến ngày 03/06/2021 thì ông Lê Văn H có làm tờ cam kết xác nhận còn nợ tiền thức ăn tôm của bà L với số tiền là 65.000.000 đồng (sáu mươi lăm triệu đồng) và ông H có ký tên xác nhận vào, ông H nói khi điện gió thuê đất thì sẽ có tiền trả nợ cho bà L. Đến nay thời gian trôi qua đã lâu nhưng phía vợ

chồng ông H và bà D vẫn không thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho bà L dù bà L đã liên hệ yêu cầu trả nợ rất nhiều lần.

Nay tại phiên tòa bà Ong Thị L yêu cầu Tòa án giải quyết: Buộc vợ chồng ông Lê Văn H và bà Nguyễn Thị D có trách nhiệm liên đới trả cho bà L số tiền nợ gốc mua thức ăn tôm sú còn thiếu là 65.000.000 đồng (sáu mươi lăm triệu đồng), bà L không yêu cầu tính lãi.

- *Bị đơn ông Lê Văn H trình bày tại phiên tòa:* Ông H thừa nhận có mua thức ăn nuôi tôm của bà L từ năm 2015, thời gian đầu là có mua có trả đến khi kết toán nợ lại thì vợ chồng ông H và bà D còn nợ tiền thức ăn nuôi tôm của bà L với số tiền là 65.000.000 đồng (sáu mươi lăm triệu đồng) đúng như bà L khởi kiện. Do hoàn cảnh gia đình hiện nay cũng đang khó khăn, vợ chồng ông H, bà D cũng lớn tuổi hay bệnh tật nên không có làm được thu nhập nhiều, cho ông H xin trả từ từ hoặc ông H giao đất cho bà L làm để trừ nợ cũng được.

- Bị đơn bà Nguyễn Thị D vắng mặt tại các buổi giải quyết của Tòa án nên không có ý kiến trình bày.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Tại phiên tòa hôm nay bị đơn bà Nguyễn Thị D có đơn xin xét xử vắng mặt. Do đó Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng sự Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bà D theo quy định pháp luật.

[2] Về thẩm quyền giải quyết: Tranh chấp giữa nguyên đơn bà Ong Thị L với bị đơn ông Lê Văn H và bà Nguyễn Thị D là tranh chấp về hợp đồng dân sự mua bán tài sản theo quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự và bị đơn có địa chỉ cư trú ở ấp H, xã V, thành phố Cần Thơ nên theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân khu vực 8 – Cần Thơ thụ lý, giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền.

[3] Về nội dung vụ án: Vào khoảng năm 2015 - 2021 bà L có bán thức ăn tôm sú cho vợ chồng ông Lê Văn H và bà Nguyễn Thị D. Việc mua bán không lập thành hợp đồng, đến ngày 03/06/2021 thì ông Lê Văn H có làm tờ cam kết xác nhận còn nợ tiền thức ăn tôm của bà L với số tiền là 65.000.000 đồng (sáu mươi lăm triệu đồng) và tại phiên tòa ông H cũng thừa nhận còn nợ bà L số tiền 65.000.000 đồng (sáu mươi

lăm triệu đồng). Bị đơn bà Nguyễn Thị D đã nhận được văn bản tố tụng của Tòa án không có ý kiến trình bày và có đơn xin vắng mặt, mặc nhiên bị đơn bà D cũng đã thừa nhận còn nợ nguyên đơn số tiền 65.000.000 đồng (sáu mươi lăm triệu đồng), tình tiết nêu trên nguyên đơn không phải chứng minh theo quy định tại Điều 92 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[4] Đối với nợ lãi: Nguyên đơn bà L không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[5] Đối với bị đơn ông Lê Văn H trình bày do hoàn cảnh hiện nay cũng khó khăn, vợ chồng ông cũng lớn tuổi nên cho ông H trả từ từ hoặc giao đất cho bà L làm để trừ nợ cũng được, nhưng không được nguyên đơn đồng ý, vấn đề này sẽ được xem xét trong giai đoạn thi hành án.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật và bà Ong Thị L có đơn yêu cầu thi hành án, thì hàng tháng ông H và bà D phải liên đới trả lãi suất theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

[6] Về án phí: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên nguyên đơn không phải chịu án phí, do nguyên đơn được miễn nộp tiền tạm ứng án phí nên không phải xử lý. Bị đơn ông H và bà D phải cùng liên đới chịu án phí đối với yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận. Nhưng do ông H và bà D là người cao tuổi và có đơn xin miễn nộp tiền án phí nên căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 ông H và bà D được miễn án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 2 Điều 92; khoản 1 Điều 147; khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228; Điều 271; Điều 273; Điều 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Căn cứ vào Điều 430, Điều 433, Điều 434, Điều 440, khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

Căn cứ vào điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Ong Thị L đối với bị đơn ông Lê Văn H và bà Nguyễn Thị D.

Buộc bị đơn ông Lê Văn H và bà Nguyễn Thị D cùng liên đới thanh toán cho nguyên đơn bà Ong Thị L số tiền mua thức ăn nuôi tôm còn nợ là 65.000.000 đồng (sáu mươi lăm triệu đồng).

2. Về nghĩa vụ chậm thi hành án: Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật và bà Ong Thị L có đơn yêu cầu thi hành án, thì hàng tháng ông H và bà D phải cùng liên đới trả lãi suất theo lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Nguyên đơn bà Ong Thị L không phải chịu án phí, do nguyên đơn bà L được miễn nộp tiền tạm ứng án phí nên không phải xử lý.

- Bị đơn ông Lê Văn H và bà Nguyễn Thị D phải cùng liên đới chịu án phí là 3.250.000 đồng (*ba triệu hai trăm năm mươi nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch. Nhưng do ông H và bà D là người cao tuổi và có đơn xin được miễn án phí nên ông H và bà D được miễn tiền án phí.

4. Về quyền kháng cáo bản án: Các đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ. Để yêu cầu Tòa án cấp trên xét xử lại theo thủ tục phúc thẩm.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền yêu cầu thi hành án, thoả thuận thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7, 7a và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND TP Cần Thơ (Phòng GĐTTKT&THA);
- VKSND khu vực 8- Cần Thơ;
- Đương sự;
- THADS TP Cần Thơ (Khu vực 8);
- Lưu HSVA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Dương Chiêu Hùng